

QUAN NIỆM ĐỔI MỚI THƠ CA, NHÌN TỪ THƠ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

Trần Mạnh Tiến^a, Nguyễn Thanh Trường^{b*}

Nhận bài:

29 – 01 – 2020

Chấp nhận đăng:

20 – 03 – 2020

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Tóm tắt: Sau 30 năm đổi mới, thơ Việt đã phát triển với quy mô lớn chưa từng thấy, bởi thực tế phức tạp đã làm nảy sinh nhiều quan niệm phong phú về thơ. Các nhà thơ đều hướng về đổi mới. Một bộ phận các nhà thơ đi sâu khám phá và phát huy những tinh hoa truyền thống dân tộc; bộ phận khác khác đã tiếp thu thi học phương Tây; một vài cây bút lại kết hợp hài hòa truyền thống và hiện đại. Các nhà thơ đã thể hiện cái nhìn mới về chiến tranh, tình yêu và tình dục, cõi tâm linh, vô thức và môi trường sinh thái bằng nhiều đề tài, cảm hứng và hình thức biểu đạt mới. Bên cạnh những quan niệm đúng đắn đã xuất hiện những cái nhìn sai lầm và phiến diện về thơ do tầm văn hóa của nhà thơ.

Từ khóa: đổi mới; quan niệm; sáng tác; tiếp nhận; truyền thống; hiện đại.

1. Mở đầu

Bàn về đổi mới trong thơ đương đại là nói lên quan niệm về thơ ca ở cả hai bình diện sáng tác và tiếp nhận. Mỗi bình diện lại có các góc nhìn riêng, phản ánh sự phong phú của cuộc sống và tư duy nghệ thuật. Thời kì đầu đổi mới có nhiều ý kiến bàn về cách tân thơ rất khác nhau bởi sự chuyển động mạnh mẽ của nền văn hóa Việt. Ý thức về mỗi mô hình sáng tác thể hiện tính thế hệ, nhu cầu thẩm mỹ, khả năng đột phá của nhà thơ và nhu cầu bạn đọc. Các mô hình nghệ thuật thơ truyền thống trước hiện thực mới rộng lớn mênh mông tỏ ra “không chứa nổi” và người nghệ sĩ cũng nhận ra vị trí “nhỏ bé” của mình trước thế giới này. Nếu như cảm hứng sử thi bao trùm thơ ca thời chống Mỹ, thì việc lựa chọn vấn đề đời tư và thế sự cùng phương thức biểu đạt thích hợp lại đặt ra một cách cấp bách cho các nhà thơ thời kì đổi mới. Thơ vốn là một thể loại nhạy bén và năng động, sáng tác thơ trở nên một phong trào lớn trong cả nước, những bài thơ mang tinh thần đổi mới sẽ thu hút nhiều bạn đọc hơn. Bởi vậy, các cây bút mọi thế hệ đều có ý thức làm mới thơ ca để thơ tồn tại. Quan niệm Đổi mới thơ vô cùng phong phú và phức tạp xoay

quanh vấn đề nội dung và hình thức. Hơn ba chục năm qua, thơ trở thành một trường đua khắc nghiệt trên hành trình đổi mới.

2. Nội dung

2.1. Đổi mới thơ ca là khám phá những con đường mới mẻ cho nghệ thuật

Trong bài viết nhan đề “Về bản sắc dân tộc và thơ hiện đại” trên Tạp chí Sông Hương, số 8/1994, Hoàng Hưng đã tuyên bố: “Nhà thơ hiện đại chẳng phân giải gì cả, tự nhiên hét lên một tiếng. Tiếng hét ấy là thơ hay khoảng im lặng sau đó là thơ” (Hoàng, 1994, tr.3). Theo đó, làm thơ được xem như một hành vi mang tính trực cảm bản năng, không lệ thuộc vào nhận thức. Vậy ai sẽ là người minh chứng cho quan niệm đó? Thực tiễn sáng tác và tiếp nhận cho hay, nếu người làm thơ không xúc cảm về một phạm vi hiện thực nào đó, không có sự thôi thúc của tâm hồn, trí tuệ thì không thể có sản phẩm thơ hay; xúc cảm nhà thơ luôn gắn với tư duy và kĩ xảo nghệ thuật mới tạo nên tác phẩm; là kết quả của quá trình nhận thức cuộc sống bằng nghệ thuật. Vai trò của nhà thơ là quan trọng, nhưng tác phẩm hay không bao giờ tách rời xúc cảm và trải nghiệm. Bạn đọc sẽ nhận ra đâu là nghệ thuật và đâu là những thứ phi nghệ thuật qua tác phẩm thơ ca. Từ một góc nhìn riêng về thơ, trong bài *Chuyện nhân gian*, Nguyễn Hồng Hải viết: “Hình như đã chán khóc rồi/ Hình như đã môi miệng cười người ta/ Bầu ơi/ Bí đã đơm hoa/ Con ong hút

^aTrường Đại học Sư phạm Hà Nội

^bTrường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

* tác giả liên hệ

Nguyễn Thanh Trường

Email: truongdhspd@gmail.com

nhụy cũng xa bay rồi/ Xòe tay dưới ánh mặt trời/ Gặp li ti tiếng khóc cười nhân gian.” (H. H. Nguyễn, 2009). Với cảm nhận khiêm nhường về thơ của người cầm bút, thơ là những yếu tố tình cảm, xúc cảm gần gũi, nhỏ bé và quen thuộc, bình dị trong cuộc sống. Thời kì Đổi mới, nhà thơ Phạm Tiến Duật rất quan tâm đến quan niệm sáng tác thơ. Trong bài “Tem và nhân” của tập tiểu luận *Vừa làm vừa nghĩ* ông cho rằng, thơ văn cũng là một loại hàng hóa, nhưng là hàng hóa đặc biệt và phê phán những người lạm dụng thơ: “Khẳng định mình bằng cách tung ra các định nghĩa như thể dán lại nhãn mác mới cho thi ca. Thơ là sự thoát xác tuyệt đối, thơ là sự đi không đường trở về, thơ là sự lạ lùng không thể lạ lùng hơn. Thơ là một loại ngôn ngữ điên khùng. Thơ là sự ăn ngủ của trai gái. Thơ là cái hộp đen không thể khám phá. Nói gì cứ nói, chả ai đánh thuế. Có lẽ cách nói giật gân trong văn học gần đây cho là do có nhiệm màu thị trường.” (Phạm, 2006). Theo đấy, không thể lẫn lộn thơ với các sản phẩm khác. Sáng tác và tiếp nhận thơ là một hoạt động văn hóa cao, cần hiểu đúng. Nhận rõ những lệch lạc về quan niệm sáng tác hiện thời, trong bài viết nhan đề *Siêu thực và siêu vẹo*, Phạm Tiến Duật phê phán nhận thức sai lầm về thơ “siêu thực” và hiện tượng gán ghép cho thơ Việt tên gọi đó: “Về bút pháp siêu thực thì thời nào cũng có, nước nào cũng có”. Theo ông, ca dao và thơ của *Xuân thu nhã tập* “đều là những câu có màu sắc siêu thực” nhưng “không sa vào siêu vẹo”. Tác giả đi đến kết luận: “Văn học lúc nào cũng cần cái mới. Bạn đọc đang dần dà lìa bỏ chúng ta vì chúng ta cũ kĩ. Chữ *chúng ta* mới đây bao gồm cả một số cụ ba mươi tuổi. Phải truy tìm cái mới. Thơ gì cũng được, thơ siêu đẳng, thơ siêu việt, thơ siêu thị, thơ siêu thực... cốt đừng thành thơ *siêu vẹo* là được” (Phạm, 2017). Điều đó nhằm thức tỉnh người cầm bút quan tâm đến giá trị đích thực của thơ ca trong sáng tạo, không thể dựa vào những thuật ngữ *lạ* của phương Tây để ngộ nhận và che đậy những lệch lạc trong sáng tác của mình.

Sự xuất hiện của cây bút Nguyễn Lương Ngọc thời kì đầu đổi mới với các tập thơ “Từ nước” (1991), “Ngày sinh lại” (1991), “Lời trong lời” (1994), cho thấy những nét tư duy mới; giữa yếu tố hồn nhiên và triết luận hòa quyện với nhau không lặp lại lối biểu đạt của các nhà thơ đi trước. Trong bài thơ *Hội họa lập thể*, anh viết: “Anh đủ sức đập vụn mình ra mà ghép lại/ Nung chảy mình ra mà tìm lối/ Xé toang mình ra mà kết cấu... Những quy tắc lên men/ Khi sự thật bị thay bằng

cái giống như sự thật/ Có gì không ổn/ Có gì như bệnh tật/ Khi mồ hôi vã ê a thiên chức nghệ sĩ/ Anh không còn muốn nhìn những gì mình đã vẽ/ Chính nước mắt, hay máu tứa từ cái nhìn bên bi/ Đã cho anh chiếc lăng kính này đây...”. Theo đó, nghệ sĩ phải tận hiến mình cho nghệ thuật. Trong một cuộc tọa đàm thơ ở Hội Nhà văn, Nguyễn Lương Ngọc đã mạnh mẽ tuyên bố: “Đã đến lúc chúng em phải quên các bác, phải quên ngay cái thứ thơ cũ rích của các bác để làm một cuộc thơ mới, các bác hãy tránh ra cho chúng em chơi cuộc chơi của thế hệ mình.” (Đỗ, 2014, tr.1). Từ sáng tác đến quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Lương Ngọc đều muốn vượt thoát lối thơ truyền thống, song sản phẩm nghệ thuật mới là bằng chứng nói lên tất cả. Thực tiễn lại cho hay, đổi mới đâu phải là tạo ra các sản phẩm hoàn toàn khác lạ cắt rời quá khứ mà là kết quả sáng tạo trên những giá trị truyền thống và hiện đại ở hàm lượng nhiều hay ít mà thôi, bởi tiềm thức văn học còn bao gồm ngôn ngữ và chất liệu phản ánh của thơ ca. Trong tập thơ “Từ nước”, Nguyễn Lương Ngọc đã thử nghiệm lối diễn ngôn mới lạ như các bài “Mùa đông”, “Trời qua”, “Bên nhau”, “Hi vọng”... khơi gợi nhiều cảm giác, nhưng đến bài thơ văn xuôi “Đồng hồ vĩnh cửu”, tác giả lại sa vào lối diễn ngôn cầu kì rắc rối không còn tính tự nhiên, hàm súc của thơ ca. Do vậy, đổi mới thơ ca phải từ những tiền đề để đột phá về mô hình nghệ thuật qua trải nghiệm mới có niềm tin trong bạn đọc.

Trong bài trả lời phỏng vấn của Lê Vĩnh Tài nhan đề: “Một bài thơ hay là một bài thơ ta ít gặp hơn một bài thơ dở” với tác giả Nguyễn Đức Tùng có đoạn viết: “Thời tôi đi học thì một bài thơ hay là “một bài thơ có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật”, còn bây giờ anh hỏi thì tôi nghĩ rằng, một bài thơ hay là một bài thơ ta ít gặp hơn một bài thơ dở. Có lẽ phẩm chất của một bài thơ hay là “bài thơ hơi bị ít gặp” chẳng?... Có lẽ các nhà thơ trẻ bây giờ nghĩ về mình, lo cho mình nhiều quá mà thiếu đi dũng khí mà lớp cha anh đã từng có?... Nhưng có điều chắc là tuổi trẻ của các nhà thơ thời ấy sang trọng và hào sảng hơn các nhà thơ trẻ bây giờ khá nhiều. Còn như thơ bây giờ vẫn còn là *thứ vui chơi chữ nghĩa nhảm nhí*... Thơ đang là thứ trang sức cho người làm thơ. Làm thơ là một công việc rất cá nhân, nên tự do sáng tác tôi nghĩ là việc đương nhiên. Anh thích thế nào thì cứ viết như thế.” (V. T. Lê, 2006, tr.1). Theo đó, thơ hay là những giá trị nghệ thuật đích thực thuộc về thế hệ người làm thơ lớp trước, và sáng tác của thơ lớp trẻ hôm

nay còn mang tính hiếu kỳ chưa có tầm cao về nghệ thuật; thơ là lĩnh vực tự do sáng tạo. Làm thơ là công việc có tính đặc thù, trách nhiệm và danh dự nhà thơ là rất lớn.

Đổi mới cần đồng hành với tự do sáng tác và xuất bản là quan niệm của Vũ Trọng Quang: “Thi ca là bước vận động biện chứng đi tới và sáng tạo vượt qua. Nhà thơ là kẻ thất bại trên hành trình từ khởi điểm này đến khởi điểm khác, là kẻ ý thức về đỉnh cao chứ không thể chạm tới đỉnh cao... Thơ chân chính chân thực, thơ viết hoa, thơ đích thực không cam chịu cư trú trong bốn bức tường, thơ là hơi thở nên cần nơi thông thoáng đầy đủ đường khí... Sự gì tốt sự ấy hợp với quy luật, chiếm được ưu thế và nhiều ưa chuộng, con đường phát triển không lùi lại của thơ là một xu thế trào dâng trào lưu đi tới chứ không phải những mode thời trang thoáng qua” (Võ, n.d., tr.1). Đây là quan niệm đề cao vị trí cao đẹp, bền vững của thơ ca và những khó khăn thử thách, tự do sáng tạo của nhà thơ, hướng tới những khát vọng tốt đẹp ở tương lai.

Những cây bút trưởng thành trong thời kì đổi mới thể hiện quyết tâm mạnh mẽ làm mới thơ ca theo cảm quan của thế hệ mình. Trong nhận thức của họ không phải là đoạn tuyệt truyền thống, nhưng làm thơ phải vượt qua những mô hình quen thuộc, một số cây bút vừa sáng tác vừa bộc lộ rõ ý thức cách tân nghệ thuật, tiêu biểu như Vi Thùy Linh, Ly Huyền Ly, Phan Huyền Thư, Ngô Thị Hạnh, Cát Du, Trương Quế Chi... Vi Thùy Linh có một số ý kiến như sau: “Với tôi, làm thơ là để san sẻ, để nghị luận chứ không phải để chứng tỏ”; “muốn được mọi người nhắc tới mình vì thơ ca”; “không muốn mình là cô gái bị đọc nhầm tên hay nhớ nhầm sang khuôn mặt khác”; “đã ngấy lắm xung quanh, người ta “diễn” quá nhiều. Mô phạm và sáo mòn, ngụy tạo và hèn nhát”; “không đi theo đám đông, như con thú tách khỏi bầy, tìm lối đi riêng, không bao giờ yếu hèn trước những thử thách” (Nguyễn, 2000, tr.25). Theo đó, thơ cũng là một kênh giao tiếp trong đời sống, nhưng phải có cái riêng, nhà thơ phải biết kế thừa và độc lập sáng tạo. Đó là quan niệm phù hợp với thiên chức của người cầm bút, thơ phải là những sản phẩm sáng tạo cá nhân, song thực tế nhiều sáng tác của những cây bút trẻ vẫn chưa có chỗ đứng vững vàng trong bạn đọc, bởi một bài thơ hay thường có sức thấm sâu, dễ lan truyền trong xã hội và dung chứa trong nó những quan niệm thâm mỹ mang tính cộng đồng. Tác phẩm hay cần có những đột

biến ở tầm cao thi học để trở thành mô hình mới của thơ ca.

Là một cây bút trẻ, Phan Huyền Thư viết: “Con người thời nào chẳng vui buồn, sung sướng, đau khổ hay tuyệt vọng... Những trạng thái cảm xúc ấy là cố hữu, nó chỉ mới là do cách chúng ta biểu hiện ra mà thôi” (Nguyễn, 2000, tr.26). Đây là ý kiến bàn về trạng thái tâm lí sáng tác, các yếu tố trường tồn của văn chương với vấn đề kế thừa tiền bối, thành công của thơ là sáng tạo phương thức biểu đạt mới. Nhận thức như trên là hợp lí, nhưng đây chỉ là sự tái hiện quan niệm của nhà văn Lan Khai trong bài *Một quan niệm về văn chương* đã chỉ ra: “Cái đặc sắc của một văn sĩ chính là cái cách riêng để diễn tả tư tưởng và tình cảm của mình vậy. Còn như tư tưởng, tình cảm đều là của chung nhân loại và hầu hết đã được nói ra. Chúng ta đến muộn nên dưới bóng mặt trời, chẳng còn chi là mới hết. Ta chỉ còn hi vọng được ở cái *cách phô diễn đặc biệt* của ta, tức là văn” (Lan, 1939, tr.1). Rõ ràng kiến giải về thơ của hai thế hệ cách xa nhau hơn nửa thế kỉ vẫn có điểm gần nhau. Trong sáng tác và quan niệm nghệ thuật của Phan Huyền Thư có quan tâm về đổi mới, nhưng qua tập thơ “Seo độc lập” cho thấy, người viết có mô phỏng lối ngắt nhịp của thơ tân hình thức và tiếp thu lối điệp ngữ của phương Tây, một số bài thơ trùng lặp với thơ người đi trước nên vẫn chưa khơi được một hành trình thông thuận cho thơ.

Cùng thế hệ thơ trẻ, Ly Hoàng Ly cho rằng: “Với tôi, làm nghệ thuật là công việc đường dài, càng làm càng mê, càng làm càng thấy đuối sức. Như người bắt đầu từ con đường mòn và đi mãi, đi mãi, thấy mình lạc vào mê lộ. Rồi sau những lúc đuối, mệt, kiệt lực, lại là những phút giây sung sướng khi phát hiện ra một điều mới, dù là nhỏ nhoi. Tôi làm nghệ thuật là để khám phá thế giới quanh mình và khám phá chính mình.” (Nguyễn, 2000, tr.30). Quan niệm đó phù hợp với những cây bút có chuyên tâm về nghệ thuật, sáng tác là sự khám phá nhọc nhằn cuộc sống và bản thân mình bằng niềm hạnh phúc đam mê. Song cũng cần phải nói thêm, sự đam mê phải đồng hành với tài năng và sự nhạy bén trước cuộc sống muôn màu mới làm nên thành quả về nghệ thuật thơ ca.

Trương Quế Chi là một cây bút trẻ có cái nhìn riêng về sáng tác thơ, trong trả lời phỏng vấn của nhà báo Lưu Hà về thơ, chị đã bộc bạch: “Thơ bộc lộ thật nhất những góc cạnh mà người khác không nhìn thấy khi đối diện

với tôi ngoài đời. Thơ tôi có nhiều yếu tố lí tính có thể vì tôi từng chịu ít nhiều ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện sinh” (Luu, 2007). Điều đó cho thấy, thơ là sự thể hiện cảm nghĩ riêng của nhà thơ và có sự chi phối của một khuynh hướng nghệ thuật, nhưng thực tế *Chủ nghĩa hiện sinh* đâu phải toàn lí trí mà còn tồn tại cả những tình cảm và xúc cảm hiện tồn? Thực ra các quan niệm của các cây bút trẻ ít nhiều vẫn liên quan đến quan niệm thơ truyền thống, thơ lớp trẻ sử dụng những diễn ngôn phóng khoáng, mạnh mẽ hơn. Đây là các quan niệm xuất phát từ sở trường của người cầm bút trước nhu cầu đổi mới, nhưng từ quan niệm đến sáng tác vẫn còn những khoảng cách nhất định như một số bài *thơ văn xuôi* của các cây bút trẻ tuy có cảm hứng mới, nhưng lại thiếu tính hàm súc. Điều quan trọng, sản phẩm của người nghệ sĩ phải có khả năng thu hút, đồng cảm và thức tỉnh tâm hồn, trí tuệ bạn đọc. Tác phẩm của nhà thơ là minh chứng nói lên quan niệm sống và viết của người cầm bút sinh động nhất.

Là một nhà thơ vừa sáng tác vừa tham gia tích cực vào hoạt động lí luận phê bình, trong bài viết *Nhận diện các trào lưu thơ Việt đương đại*, Inrasara viết: “Tìm tòi và thể nghiệm, thử nghiệm và khai phá vùng đất mới, đề tài và lối viết mới là hành động tất yếu của mọi nghệ sĩ chân chính... Hành trình sáng tạo là hành trình của tiếp nhận, chối bỏ, tìm tòi và thể nghiệm. Thơ Mới tiếp nhận thơ Pháp, chối bỏ thơ Đường luật và hát nói, tìm tòi và thể nghiệm thủ pháp lãng mạn và tượng trưng để làm nên *một thời đại trong thi ca Việt*. Thơ *Sáng tạo* chối bỏ Thơ Mới, thơ hậu hiện đại chối bỏ thơ *Sáng tạo*... cứ thế. Chối bỏ ở đây không phải là *chôn*, *đưa tang* hay vứt đi tất cả mà là, tiếp nhận, tìm tòi khai phá và chuyển hướng sáng tạo. Hành trình này xảy ra giữa các thế hệ, trong một thời kì, thậm chí nơi mỗi nghệ sĩ. Có nhà thơ chẳng những thay đổi phong cách tác phẩm mà còn thay đổi cả hệ mỹ học sáng tác” (“*Nhận Diện Các Trào Lưu Thơ Việt Đương Đại*,” 2010, tr.1). Theo đó, đổi mới phải mang tinh thần cách mạng ở mỗi người cầm bút, thay cũ đổi mới là quy luật phát triển của nghệ thuật. Chủ thể sẽ quyết định thành quả của văn chương, hiểu rõ lối viết sáo mòn và biết tìm cho mình con đường đi mới mẻ; chuyển hướng sáng tạo bằng nhiều hướng khác nhau về nội dung và hình thức. Song, theo chúng tôi thực chất thành tựu của Thơ Mới chưa phải đã “chối bỏ” thơ Đường luật, mà đã tiếp thu linh hoạt các chất liệu Đường thi để làm mới thi ca như Xuân Diệu (*Đây mùa*

thu tới), Huy Cận (*Tràng giang*), Hàn Mặc Tử (*Đây thôn Vĩ Giã*)... Nhiều sáng tác mang âm hưởng Đường thi mà vẫn mới. Các nhà thơ ưu tú đã kế thừa thi học cổ phương Đông ở các phương thức biểu hiện hay đề sáng tạo theo hướng *bình cũ rượu mới*. Mặt khác, cũng cần nói rõ thêm, chuyển hướng sáng tạo phải phù hợp với nền văn hóa và nhu cầu biểu đạt tâm hồn tư tưởng dân tộc mới là những giá trị của thơ ca. Các nhà thơ lớn trên thế giới là những cây sáng tạo, nhưng không bao giờ thoát li quan niệm thẩm mỹ dân tộc mà trở thành vĩ đại, sự lớn lao của họ là đào sâu đến tận cùng hiện thực và khám phá được tiềm năng và khát vọng của con người để tạo nên các phương thức biểu đạt hay nhất, kết hợp các nhu cầu thẩm mỹ khác nhau trong sáng tạo như Puskin (Nga), Heine (Đức), La Martine (Pháp), R.Tagore (Ấn Độ)... đã trở thành “cổ điển” nhưng từ lâu các thi nhân đó đã trở thành bầu bạn của muôn người.

Trên *VanVn.net*, ngày 25/9/2012, nhà nghiên cứu Hồ Sĩ Vịnh có bài viết nhan đề: “*Đồng hành với thơ đương đại*” đã nêu rõ quan niệm cách tân thơ: “Các nhà thơ trẻ cần giữ vững bản lĩnh khi tìm đến cái mới, cái lạ. Không phải cái mới, cái lạ nào cũng đi tận cùng sáng tạo. Những dữ kiện nào cần cho thơ? Đó là sự săn đuổi những đề tài xã hội và thân phận con người, tri thức cần và đủ cho cảm hứng phản xạ, ngân hàng ngôn từ, kĩ xảo thơ (vần, âm luật, điệp âm, hình ảnh, văn khí...). Mọi thứ bất chước kì quặc, thô kệch, mọi thứ suy nghĩ rối rắm, ngôn từ bệnh hoạn (mot malade) hiện tượng làm ô nhiễm ngôn ngữ, cách diễn đạt rắc rối, gượng gạo, vờ vĩnh về đề tài tình dục, tình yêu nam nữ đều xa lạ với thơ đương đại và hệ lụy là bạn đọc xa lánh”. Nhận xét trên cho thấy đổi mới là sáng tạo những phẩm chất mới cho nghệ thuật, chứ không phải đi tìm kiếm những nghịch lí, dị thường trái với cảm quan thẩm mỹ cộng đồng, đổi mới phải phù hợp với nhu cầu tiếp nhận, nhà thơ cần sáng suốt phê phán sự giả dối dư thừa trong sáng tác.

Trong “*Hội nghị viết văn trẻ lần thứ IX*”, các ý kiến bàn về *Thơ trẻ: Truyền thống và cách tân*, rất phong phú. Nhà thơ Hữu Thịnh nêu nhận xét: “*Đọc thơ là thưởng thức tâm hồn, làm nảy nở tâm hồn. Thơ trẻ đang bung phá, là lực lượng tìm kiếm mạnh mẽ nhất của văn học... Thơ tiên phong của mọi nền văn học. Thơ trẻ đang nghiêng về cách tân, đó là điều dễ hiểu và đáng mừng. Như Xuân Diệu từng nói: “Đừng chê chúng tôi*

cổ, chúng tôi cổ để trở thành cổ điển”. Ông đề cao đôi mới, nhưng thơ phải có giá trị nghệ thuật dài lâu. Nhà thơ Nguyễn Quang Thiều đã nêu quan niệm: “Nhiệm vụ của thi sĩ là làm cho đời sống sinh sôi và đầy hi vọng. Nếu nhà thơ rời bỏ lòng nhân ái lớn lao thì thơ ca chảm dứt và nhân loại sẽ không còn tồn tại. Thơ cũng cần sự khác biệt... Thơ đã chết khi sự khác biệt không còn!” Theo đó, chức năng xã hội của thơ là rất lớn, nhưng phải là sản phẩm sáng tạo. Nhà thơ Nguyễn Việt Chiến quan niệm: “Những bài thơ hay muôn đời vẫn là điều bí ẩn của sáng tạo. Nhà thơ phải hội đủ kiến văn sâu rộng, tài năng đích thực, phẩm chất thi sĩ, mới có được những bài thơ hay. Bài thơ hay sẽ vượt lên tất cả những yếu tố truyền thống hay là cách tân. Làm thế nào để người đọc vừa thấy được tác phẩm vừa nhớ được tác giả” (*Thơ Trẻ: Truyền Thống và Cách Tân Nhà Văn & Tác Phẩm*, 2016, tr.19). Điều đó cho thấy, đổi mới là công việc vô cùng gian nan, có ý nghĩa lớn lao, mỗi tác phẩm thơ hay như một thành quả phát minh về nghệ thuật. Rõ ràng qua ý kiến của các nhà thơ cho thấy, sáng tác thơ là công việc khó khăn, tác phẩm thơ phải vì lẽ sống cao đẹp và có sứ mệnh lâu dài, đổi mới thơ cũng không ngoài lẽ đó.

Các cây bút trưởng thành trong thời kì đổi mới, thường hướng nhiều vào hiện tại, và có tính chất đối sánh xưa - nay qua sự trao truyền thế hệ. Từ việc cảm nhận đến phản ánh hiện thực, đa số họ có ý thức tạo ra cách nhìn riêng và phương thức biểu đạt mới. Một bộ phận tìm hình thức *thơ tự do*, *thơ văn xuôi*, *thơ cách điệu ngắt dòng*, *thơ cấu hình*, *thơ Haiku*, *thơ “lập thể”*, *thơ tân hình thức*... để tránh đi theo lối mòn truyền thống với các dạng kết cấu: *Nhân - quả*, *đối xứng*, *hiệp vần*, hay giọng điệu *hào hùng* của các nhà thơ lớp trước mà họ đi vào những điệu cảm xúc nhẹ nhàng, êm dịu, tự nhiên, những cách nói mới lạ như muốn bù lấp những khoảng trống trong thơ giai đoạn trước để tạo chỗ đứng riêng. Từ bình diện nội dung, có bài thơ gợi lên sắc dục, những thiên tính bản năng, các trạng thái vô thức, cảm hứng về thế giới tâm linh, những hình ảnh siêu thực, những khát vọng trần gian, tính bản ngã tự nhiên. Người làm thơ nói những điều chưa nói, viết những điều chưa viết và ước vọng những gì chưa thỏa nguyện; chối bỏ ngôn từ cũ và thần tượng, các biểu tượng truyền thống, các giọng điệu quen để làm mới thơ ca, nhưng thực tế nhiều cây bút vẫn chưa tạo lập được các mô hình nghệ thuật mới, những *kiệt tác* có sức lôi cuốn cả trào lưu thơ

Việt để *vượt biên* ra thế giới. Ngoài một số thành quả đáng mừng về thơ của hai nhà thơ Nguyễn Quang Thiều và nhà thơ Mai Văn Phấn vừa qua được Hội Nhà văn Hàn Quốc và Hội Nhà văn Thụy Điển trao giải thưởng, còn lại đa phần thơ Việt vẫn chưa giành được sự quan tâm mạnh mẽ của bạn đọc và chưa có chỗ đứng vững trên trường quốc tế.

2.2. Đổi mới là kiến tạo các mô hình mới phù hợp cho thơ Việt

Quá trình chuyển biến quan niệm của thơ Việt có khi nghiêng về nội dung có khi thiên về hình thức hoặc kết hợp hài hòa nội dung và hình thức, ngoài ra còn có cả sự đan xen giữa các loại hình nghệ thuật theo sở trường của nhà thơ. Đổi mới là một trào lưu dân chủ tự do bằng các mô hình nghệ thuật mới. Trong thời kì đổi mới đã lôi cuốn nhiều nguồn nhân lực sáng tác, Lê Huy Quang là một họa sĩ đồng hành với lĩnh vực thơ ca, ông đã cho ra đời 12 tập thơ, tiêu biểu là các tập: “Tự bạch” (1994), “Hồi ức tuổi hai mươi” (1994), “Ta về Hà Nội đi em” (2002), “Một thời để nhớ” (2004), “Phải khác” (2009), “Bác Hồ và người chiến sĩ” (2016). Quan niệm sáng tác của ông: “Tôi sinh ra để yêu và làm nghệ thuật nhưng *phải khác*”, cho nên thơ ông đan xen cả hội họa và điêu khắc, hoặc tạo ra lối ngắt dòng khác biệt. Bài *Giếng xuân* là những nét chấm phá, gợi tả bằng lối ngắt nhịp riêng: “Mường nước sáng bờ cây chiều/ dầy dầy/ cột đèn/ chim rữ cánh mưa/ em đi làm rửa chân gàu giếng âm/ ao xóm/ cầu vè/ gái xóm/ giếng ròi/ tháp thoáng/ áo em giếng...” (H. Q. Lê, 2016, tr.1). Bài thơ gợi lên các hình ảnh dân dã với lời thơ mang nhịp bước ngập ngừng. Hay khi nói về nỗi đau do chất độc màu da cam của giặc Mĩ gây ra, ông đã tạo dựng một bài thơ sống động bằng nghệ thuật ngôn từ và hội họa như hình hài ngôi mộ của một em bé trong “Phác thảo màu da cam” (Tưởng nhớ những người đã mất):

Em
là nấy mầm
một loài hoa mới
thế hệ mới thơm trồng.
Em ơi em có còn không
một dấu đầu tiên tìm tay vụng dại
ngoài trời đêm nay mưa rơi mưa rơi rơi mãi
sao một chuyến tàu đêm đi xa không kéo một hồi còi...

Dương Kiều Minh là cây bút trẻ mang tinh thần đổi mới trong cảm xúc, hình ảnh và giọng điệu qua các tập thơ: “Củi lửa” (1989), “Dâng mẹ” (1990), “Những thời đại thanh xuân” (1991), “Ngày xuống núi” (1995), “Tựa cửa” (2000)... Thơ anh giàu chất hiện thực, nhiều bài thơ được tạo nên từ cảm thức siêu thực với tượng trưng thành các diễn ngôn mới mẻ. Đơn cử bài thơ “Núi đồi và hoa mặt trắng” trong tập “Tôi ngắm mãi những ngày thu tận” (2008) có những câu: *Trong giấc ngủ chấp chờn các mùa lần lượt trở về. Nắng, gió và đêm tối/ Giấc mơ trườn theo những con đường dốc... Những bông hoa mặt nở giữa bạt ngàn gió lạnh/ Những cánh hoa trắng mỏng nhắc nhớ điều gì đó nằm quên nơi núi đồi hoang vắng... Ôi, thời thanh xuân!* (Dương, 2008, tr.20). Bài thơ tái hiện kí ức về tuổi trẻ với thiên nhiên từ cái nhìn *siêu thực*, cảm xúc hòa tan trong lời kể tạo nên một dòng chảy miên man kỉ niệm. Hình ảnh trong thơ thể hiện những chuyển động của thiên nhiên cùng cảm giác tạo nên âm hưởng mới.

Có thể thấy, sản phẩm mới về thơ là kết quả của quá trình khám phá bằng hai con đường: tiếp thu và sáng tạo tinh hoa dân tộc; tiếp nhận cái mới của thơ thế giới, dù theo hướng đi nào, nhà thơ cũng khát khao tạo nên những tác phẩm hay. Trần Quang Quý nghiền ngẫm hiện thực từ truyền thống, tiếp thu một cách linh hoạt các quan niệm của dân gian và Phật giáo để tạo nên những tứ thơ bằng hình tượng mới. Bài “Cát” nhà thơ viết: *Có số phận nào như cát/ Có cuộc phiêu bạt vĩ đại nào như cát...* đã gọi lên quan niệm từ *Kinh Sa giới* về số phận nhỏ bé trước vũ trụ bao la của mỗi chúng sinh; bài “Giấc mơ hình chiếc thớt” có những câu: *Giấc mơ của bầy cá luôn ám ảnh bóng hình chiếc thớt... Cây rom mơ ngoạm những đàn bò... Những chú chuột mơ gặm sống bầy mèo và rửa vuốt vinh quang...* gọi ra cảnh tượng chia lìa tiêu biển, giúp ta liên tưởng tới bài ca dao “Ngược đời”: *Bước sang tháng sáu giá chân/ Tháng một năm trần bức đổ mồ hôi...*; bài “Giấc mơ về lưỡi”: *Cái chết của ngôn từ/ Trong những năm mờ lưỡi/ Cái chết của chiếc lưỡi/ Trên cánh đồng ngôn từ...* (Tinh Hoa Thơ Việt, 2012, tr.430). Hình tượng thơ thể hiện diễn biến muôn màu của tâm lí con người, khiến ta liên tưởng tới câu ca “Lưỡi không xương nhiều đường lắt léo.” Quan sát thực tại và bắt rễ sâu vào truyền thống là hướng đi tìm cái mới của nhà thơ.

Cũng đi từ truyền thống, các nhà thơ dân tộc thiểu số như Lò Ngân Sùn (dân tộc Giáy), Mã A Lềnh (Mông), Lâm Quý (Cao Lan), Pờ Sào Mìn (Pa Dí), Hơ Vê (Hơrê), Dương Thuần (Tày), Bùi Tuyết Mai (Mường)... đều có những tác phẩm thơ ca độc đáo, tạo nên những thành quả lớn cho thời kì đổi mới, do mỗi nhà thơ đã đi sâu và bám sát những tinh hoa bản sắc của dân tộc mình để sáng tạo. Đơn cử bài thơ Vợ tôi, một sáng tác giản dị mà cảm động, cảm xúc và hình ảnh trong thơ hầu như không liên quan gì với thi học phương Tây mà lại toát lên ấn tượng sâu trong bạn đọc: “Một đời gánh nặng khó nhọc trên vai/ Tôi con suốt thì đi/ Em đất đai ở lại/ Với túp lều con cái... Tôi gọi em đích thực: Mẹ ơi/ Mẹ của các con tôi và mẹ của chính tôi/ Không có vợ không con thơ sinh nở/ Không có vợ không bài ca để hát/ Vợ tôi...” (Pờ Sào Mìn).

Đổi mới trong thơ cũng vừa nói lên những sự thật còn chìm khuất trong *chiến tranh* chưa có dịp nói ra vừa thể hiện cảm hứng về cõi *tâm linh*, *vô thức* trong nhiều tác phẩm của Khuất Bình Nguyên (*Mộ Khói*), Đỗ Trung Lai (*Thơ viết ở nghĩa trang liệt sĩ Plây cu - Gia lai*), Nguyễn Đức Mậu (*Cánh rừng nhiều đom đóm bay*), Trần Anh Thái (*Ký ức*), Lê Thị Mây (*Những lời ca*), Vũ Quần Phương (*Ở nghĩa trang Ngọc Hồi*), Lê Đình Cảnh (*Gió đất*), Trịnh Công Lộc (*Vòng hoa quanh đảo Gác Ma*)... Chiến tranh không chỉ là những chiến công mà còn là những hi sinh, mất mát. Mỗi nhà thơ đã thể hiện những kí ức của cuộc chiến bằng cảm giác linh thiêng. Đơn cử bài thơ *Ký ức* đã tái hiện lại thời chiến tranh khói lửa và những đồng đội hi sinh có những câu: “Có tiếng vọng ngàn năm tiếng gọi hồn vang bên kia vách núi/ Tiếng gọi xoáy vào cao xanh lồi lõm vòm trời/ Tiếng gọi quay vòng tiếng gọi cạn cùng ứa nghẹn/ Giữa một trời giàn dựa mây trời... Ôi! Tiếng gọi xé lòng! Tiếng gọi những linh hồn không nơi nương tựa...” (Trần Anh Thái). Chỉ có những cảm hứng hiện thực hòa với tâm linh nói về sự hi sinh mất mát mới có được những hình tượng thơ như vậy! Hay nói về sự hi sinh anh dũng của các chiến sĩ hải đảo trong *Vòng hoa quanh đảo Gác Ma* có những câu: “Những vòng hoa không muốn trôi đi/ Hay có phải 64 hòn cốt/ Còn quanh đây... sóng buốt thân tàu... Những vòng hoa cứ vòng quanh bờ nước/ như vòng tay xiết lại những vòng tay...” (Trịnh Công Lộc). Cảm hứng về linh hồn bất tử của những người chiến sĩ đã tạo nên những câu thơ đầy xúc động!

Khi nhà thơ gắn mình với nhân gian, đức tin cũng nhuộm màu thực tại, nhiều bậc tăng ni, Phật Tử như Thích Tánh Tuệ, Minh Đức Triều Tâm Ảnh, Tuệ Thiền Lê Bá Bôn, Thích Bảo Trâm... là những Thiền nhân thi sĩ có những bài thơ mang tinh thần nhập thế, thức tỉnh nhân tâm bằng cái nhìn mới mẻ. Đơn cử bài thơ *Hãy nhìn lại* có những câu: “Phá hết rừng nay nhiễm ô biển cả! Trong lòng đất tài nguyên nhiều khôn tả/ Đã cạn dần khai thác chẳng nương tay. Sống hôm nay nhưng cái chết từng ngày/ Đang đến với những người đầy tham vọng/ Do con người đang giết dần sự sống/ Hãy ngừng tay đừng phá hoại môi trường/ Sống “ít muốn” chia sẻ lắm tình thương/ Luôn “biết đủ” đang chan hòa hạnh phúc...” (Thiền sư Thích Viên Thành). Từ hiện thực đau lòng của đất nước với cái tâm thành bác ái có tầm nhìn sâu rộng của một bậc tu hành đã cho ra đời tác phẩm thơ động lòng người.

Mai Văn Phần là cây bút vừa bám sát hiện thực vừa tiếp thu tinh thần *sinh thái học* của phương Tây đã viết những bài thơ về thiên nhiên sinh động trong các tập thơ: “Giọt nắng” (1992), “Gọi xanh” (1995), “Cầu nguyện ban mai”, “Bầu trời không mái che” (2010)... đã chứa nhiều cảm xúc mới. Chẳng hạn những câu thơ: “Trong hương hoa dại/ Tôi đã lịm đi trong u tịch phủ đầy/ Và còn nhiều thú dữ đâu đây/ Chúng cũng mơ thấy em và mẹ/ Đâu phải người... tôi đã nắm lấy tay/ Vẫn ấm áp và hồn nhiên đến thế! Giờ tôi đứng lên bằng đôi chân con dế/ Trên ngọn cỏ mềm lướt đi nhẹ nhẹ/ Rồi cố gọi lên bằng tiếng loài người/ Lỡ qua cửa rừng không ai nhận ra tôi” (*Ngủ quên trong rừng*). Phải chăng những câu thơ như vậy sẽ gần gũi bạn đọc hơn những bài luận giải dài dòng về môi trường sinh thái trên báo chí hàng ngày.

Ở một góc nhìn khác, nhà thơ Trương Đăng Dung vừa bám sát hiện thực vừa tiếp thu linh hoạt lối biểu đạt điệp ngữ tăng tiến của thi học phương Tây trong bài *Lên cao* đã đem lại những sắc thái mới cho thơ Việt. Bài thơ vẽ lên bức tranh kiến trúc nguy nga nhưng lại gợi ra cảm giác bất an về môi trường sống, cho thấy sau mỗi bước lên cao là một bước thụt lùi: *Giữa trời với sông, gió với cây, người với chim, người với người từ biệt nhau* bằng lời thơ văn xuôi nhưng dễ nhớ. Nhờ những quan sát mới về hiện thực, nhà thơ đã đem lại những phẩm chất nghệ thuật cho thơ. Cũng trên bình diện hình thức thể loại, một số cây bút đã tiếp thu một số thể thơ mới của nước ngoài như *thơ Haiku* (Nhật Bản), *thơ văn*

xuôi và *thơ tân hình thức* của phương Tây và Mỹ để làm mới thơ ca, đã góp thêm phần khởi sắc cho thơ Việt thời đổi mới. Song những bài thơ hay, đều được sáng tạo theo góc nhìn “bản địa hóa” của nhà thơ để hòa vào và nền thơ dân tộc.

Là một cây bút trẻ từ năm 2012 - 2018, Nguyễn Phong Việt đã cho ra mắt tám tập thơ như: “Đi qua thương nhớ”, “Từ yêu đến thương”, “Sinh ra để cô đơn”, “Sống một cuộc đời bình thường”, “Về đâu những vết thương”, “Sao phải đau đến như vậy”, “Chỉ cần tin mình là duy nhất”, “Xin chào những buổi sáng”. Từ hiện thực cuộc sống đến cơ sở triết học về “vật tự nó” của nhà mỹ học Kant, tác giả đã đưa ra cái nhìn mới mẻ về hiện thực và lựa chọn cho thơ mình một hình thức diễn ngôn thích hợp, tạo nên một dạng thơ văn xuôi sống động thu hút nhiều bạn đọc. Đó cũng là cách làm mới thơ ca trong trào lưu đổi mới. Song một số thể thơ khác như “thơ lập thể”, “thơ hậu hiện đại” của một vài cây bút vẫn chưa có chỗ đứng trong nền thơ ca Việt bởi chúng mang những đặc điểm khác biệt với văn hóa thi ca dân tộc. Như vậy, phải đâu cứ có “thơ nhập ngoại”, lí thuyết mới lạ là sẽ có thơ hay, mà thơ hay còn đòi hỏi ở tài năng, tầm nhìn hiện thực và khả năng sàng lọc, chuyển hóa tinh hoa của nhân loại trong quá trình sáng tạo của nhà thơ Việt.

Đổi mới còn thể hiện trong nhận thức về *tình yêu và tình dục* với vấn đề *trò chơi* trong tác phẩm thơ ca đáp ứng các nhu cầu sống của con người, việc biểu hiện các hình tượng nghệ thuật còn là thử thách với nhà thơ. Thời kì đổi mới, các trạng thái tình yêu trong thơ đan xen nhau từ nhiều nguồn cảm hứng. Những gì trong chiến tranh chưa nói hết, được người cầm bút “bù lấp” lại trong thơ. Không ít cây bút nữ nói về tình yêu và tình dục chẳng ngại ngần thể hiện rõ tiềm năng tạo hóa của giới mình. Thế hệ các nhà thơ lớp trước cũng tái hiện lại cảm thức tình yêu trong quá khứ bằng cách nhìn cởi mở hơn, nhưng chưa mạnh mẽ sôi nổi như các nhà thơ lớp trẻ. Các nhà thơ lớp trẻ nói tới tình yêu và tình dục nhiều hơn so với Thơ Mới cả về dung lượng, nhưng cách thể hiện về tính dục chưa vươn tới tầm nghệ thuật của ca dao và thơ Hồ Xuân Hương cũng như thế hệ các nhà thơ Bích Khê, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử... Quan niệm về tính dục trong thơ trẻ ngày càng táo bạo, cởi mở và thiết thực hơn. Vi Thùy Linh nói về một trạng thái tâm lí tự nhiên trong bài *Chân dung*: “Khỏa thân trong chăn/ Thèm chồng. Thèm có chồng ở bên. Chỉ cần

anh gồi lên đồi/ Minh ôm lấy Anh ôm mình/ Biết sự bình yên của mặt đất...” (Thơ Trẻ: *Truyền Thống và Cách Tân Nhà Văn & Tác Phẩm*, 2016, tr.366). Khi mới xuất hiện những câu thơ như vậy có người còn ngần ngại về hành vi nhục cảm, nhưng đây chỉ là cách biểu hiện trạng thái tâm sinh lý tự nhiên của con người khi vấn đề nữ quyền trong đời sống và văn học đã cởi mở hơn. Quan niệm sống mới, người ta có thể giải bày tự nhiên các trạng thái thuộc về con người, nhưng viết về tính dục cũng đòi hỏi tài năng sáng tạo tinh tế của nhà thơ. Ly Hoàng Ly đã thể hiện trạng thái riêng tư bằng ngôn ngữ biểu đạt về thân thể trong bài *Mở nút áo*: “Châm chậm, mở một chiếc nút áo/ Soi vào gương chằm chằm, mở hai chiếc nút áo/ Chằm chằm, mở ba chiếc nút áo/ Soi vào gương, chằm chằm, mở chiếc nút thứ tư/ Chằm chằm, mở năm chiếc nút áo/ Soi vào gương chằm chằm, mở nút thứ sáu... Tìm hoài không thấy nút thứ sáu/ Soi vào gương, cố tìm nút thứ sáu... Mở mãi, muốn mở mãi/ Mà bầu ngực vẫn trắng, không đêm/ Mở mãi, muốn mở mãi/ Bầu ngực này căng đêm/ Soi vào gương/ Bất lực và khốc. Trong vô vàn những giọt nước mắt/ Một giọt đêm úa ra từ bầu ngực trắng” (Lê, n.d., tr.1). Trạng thái cảm nhận về giới tính đã được thể hiện trong thơ bằng một diễn ngôn chân thực và sinh động, thơ ca thời đổi mới là mảnh đất tự do nhất để bộc lộ tâm hồn, tình cảm và các phương chiều cảm giác hiện tồn của cõi nhân sinh cũng như cõi tâm linh.

2.3. Đổi mới thơ đổi lập với quan niệm dị thường trong nghệ thuật

Trên đà đổi mới, một số cây viết lại quá sa vào nhục thể, đưa sáng tác thoát ra ngoài thuộc tính thẩm mỹ của văn chương làm biến dạng thơ ca như một số bài “thơ” của các cây viết Nguyễn Hữu Hồng Minh (*Lỗ thùng lịch sử*), Bùi Chát (*Tu từ*), Lý Đợi (*Ái ái nằm ngủ*), Lê Thị Thâm Vân (*Trần trời*)... Những sáng tác của họ đã rời bỏ các biện pháp tu từ và đưa ra những hình ảnh trần trụi thô phàm để kích động tính hiếu kỳ trong người đọc theo mặt trái của khuynh hướng hậu hiện đại phương Tây. Các bài “thơ” của Bùi Chát viết về cái dâm ô và cái tục suy đồi đã được nhà thơ Triệu Lam Châu chỉ rõ: “Thêm một chứng cứ về sự vô văn hóa của thơ hậu hiện đại Việt Nam”. Đó là những sản phẩm phản văn chương đã bị nhiều độc giả có văn hóa đồng tình phê phán. Thơ viết về cảm thức riêng tư vẫn đang trên đường khám phá và sáng tạo, để có được những bài thơ về tính dục mang tính nghệ thuật cao như

các bậc thi nhân tiền bối vẫn là những thử thách với nhiều cây bút hôm nay. Cái mới trong thơ cũng có mối tương đồng với cái mới từ cuộc sống. Và chỉ có một số nhà thơ trẻ thời đổi mới mới chủ động giải bày thế giới riêng tư. Ở giai đoạn văn học trước, có những hiện thực chưa nói hết trong thơ, nay xuất hiện tự nhiên như một nhu cầu mới, cho thấy nghệ thuật không ở đâu xa lạ mà nảy sinh trong đời thực được nhà thơ sáng tạo. Nói về mình và giới mình cũng là một nhu cầu thẩm mỹ, các nhà thơ trẻ luôn gắng tìm những trường liên tưởng mới để bộc bạch những tiềm năng và giới tính trong thơ. Quan niệm về tính dục thời đổi mới đã xóa dần đi những thành kiến khắt khe trong quá khứ bằng những hình tượng thơ ca.

Ở một góc nhìn khác về tính dục trong tiểu luận *Tình dục và các nhà văn nữ di dân Việt* của tác giả Thế Uyên có đoạn viết: “Nói cho cùng, bản năng tính dục và bản năng sinh sản có vẻ tuy hai, nhưng chính ra là một. Nhỏ như con ve, con châu chấu, con bọ ngựa, con dế, con đom đóm, lớn hơn một chút như con công, con chó, con bò, con ngựa... để làm gì, nếu không phải đi một đường tình dục, Love and Sex, với nhau. Chúng công khai dâm ô, công xúc tu sĩ, child abuse, xách nhiễu tình dục lung tung... Thật tự nhiên, như trời và đất... Có “ke” chi đến đạo đức luân lý đâu.” (Thích, 2016, tr.1). Theo đó người viết đã đồng nhất tính dục của con người với tính dục các loài động vật và xem tính dục không liên quan về đạo đức. Đó là một quan niệm xa lạ, bởi tính dục động vật là thuần bản năng còn tính dục con người có sự đồng hành giữa bản năng và ý thức. Quan niệm trên chỉ phù hợp với khuynh hướng hậu hiện đại mà thôi. Hơn hai thập niên qua, một số cây bút người Việt cả trong và ngoài nước đã đưa vào trong thơ những yếu tố trần trụi, lẫn lộn cái trần tục sinh vật học với phạm trù thẩm mỹ thơ ca, không chỉ các nhà phê bình trong nước mà cả các nhà phê bình hải ngoại cũng đồng tình phê phán. Trong bài viết “Nhìn lại 30 năm văn học hải ngoại”, nhà phê bình hải ngoại Nguyễn Vy Khanh đã nhận xét: “Thi ca ngoài nước bước thêm một bước đến cửa bản năng. Hành cử, thái độ, tâm tình tình dục xưa thắm kín, gián tiếp, riêng tư, nay thành nhãn hiệu cầu toà! Từ châu thân kín đáo, nhẹ nhàng đến thân thể có thực rồi đến xác thịt phóng đại, con này cái kia. Nếu ngày xưa với kĩ thuật, thể loại cũng như phương tiện, ngôn ngữ, để tế nhị gọi cảm tài hoa, đọc trong đầu, gọi hình... nay thì trắng trợn như gọi nhục cảm và bày ra

trước mắt!.. Thơ không chỉ đề cập, nhắc đến sự vật, đối tượng, mà diễn ngôn cả hành cử làm tình, làm tình như sống, như câu cá, ngắm trăng,... cũng như bày cả bối cảnh của hành cử đó, một cách kể chuyện đậm tình!” (V. K. Nguyễn, 2005, tr.1). Từ cái nhìn của một nhà nghiên cứu có hệ thống đã cho thấy một xu hướng sáng tác đề cao bản năng thuần túy xa rời cái đẹp và các giá trị nhân văn truyền thống, đó cũng là mặt biến dị của thơ ca. Và như vậy, tính dục cũng bao hàm hai phạm trù văn hóa khác nhau: Cái thâm mỹ và cái phi thâm mỹ trong tác phẩm thơ ca.

Nhu cầu tiến nhanh và tiến kịp các trào lưu hiện đại của thế giới bằng việc tiếp thu các trường phái văn học phương Tây càng trở nên cấp bách với nền thơ ca Việt. Ba thập niên qua, nhiều sáng tác và công trình nghiên cứu về thơ đã trở nên khởi sắc, song bên cạnh đó cũng xuất hiện những ấn phẩm dị thường vừa xa rời truyền thống văn hóa Việt vừa làm vẩn đục bầu không khí văn chương, tác động xấu tới môi trường giáo dục. Đó là việc nhân danh đổi mới, một số cây bút đã đồng tình và đề cao thứ “thơ văn rác rưởi”, xem thơ ca thuần túy là trò chơi giải trí, cùng với thái độ thoát li lịch sử và kì thị, giễu nhại các di sản của cha ông, thêm vào đó là hành vi ngộ nhận và “ngụy nhận” cả trong sáng tác và học thuật, xa rời thực tiễn và văn hóa dân tộc, những việc làm đó đã bị các nhà văn, các học giả và công chúng có lương tri, trách nhiệm lên án để hướng tới xây dựng một nền văn học nghệ thuật tiên tiến và hiện đại mang bản sắc Việt Nam.

3. Kết luận

Đổi mới văn học là một quá trình vận động và phát triển của tư duy nghệ thuật. Hơn ba mươi năm đổi mới nền văn học Việt Nam hiện đại từ cuối thế kỉ XX đến nay đã góp phần làm đổi thay tinh thần dân tộc trước những chuyển động lớn lao của lịch sử xã hội trong hoàn cảnh giao lưu và hội nhập quốc tế. Đổi mới là quá trình sáng tạo đồng hành cả nội dung và hình thức của tác phẩm nghệ thuật, nhưng quá thiên về nội dung quen thuộc sẽ trở nên nhàm chán, quá thiên về hình thức lạ lẫm sẽ trở nên hiểu kì giả tạo dẫn tới tách nghệ thuật ra ngoài đời sống. Các phạm vi đề tài, chủ đề, tư tưởng và cảm hứng sáng tác đồng hành với các phương thức biểu đạt mới mẻ của thơ Việt về thể loại, cấu tứ, ngôn ngữ, giọng điệu... phản ánh linh hoạt trong các trang viết của nhà thơ đã làm cho nghệ thuật thơ ca tiến bước. Các nhà

thơ, nhà nghiên cứu lí luận phê bình Việt ở các thế hệ khác nhau với nhiều hướng khám phá khác nhau nhưng đều đề cao tinh thần đổi mới thơ ca, vừa tìm lối đi riêng vừa tạo lập các mô hình nghệ thuật mới, vừa chống lại những quan niệm sai lầm phiến diện về thơ để mở những con đường rộng tới tương lai.

Tài liệu tham khảo

- Đỗ, N. Y. (2014). *Nguyễn Lương Ngọc và cuộc cách tân thi pháp*. Văn Học Quê Nhà.
- Dương, K. M. (2008). *Tôi ngắm mãi những ngày thu tận*. Hội Nhà văn.
- Hoàng, H. (1994). Về bản sắc dân tộc và thơ hiện đại. *Tạp Chí Sông Hương*, 8.
- Lan, K. (1939). Bàn qua về nghệ thuật. *Tạp Chí Tao Đàn*, 7.
- Lê, H. Q. (2016). Giếng xuân. *Vanvn.Net*.
- Lê, T. T. V. (n.d.). <https://kilopad.com/Tieu-thuyet-c42/...van.../chuong-10-le-thi-tham-van-ti10>
- Lê, V. T. (2006). Thơ và thơ trẻ. *Diễn Đàn Văn Học Talawas*.
- Luu, H. (2007). Trương Quế Chi. Trong thơ tôi sống thật với bản thân. *Báo Điện Tử Vnexpress*. <https://vnexpress.net/truong-que-chi-trong-tho-toi-song-that-voi-ban-than-1894273.html>
- Ly, H. L. (2005). Mở nút đêm. *Diễn Đàn Văn Học Trẻ*.
- Nguyễn, H. H. (2009). *Mùa ban mai*. Hội Nhà văn.
- Nguyễn, T. M. A. (2000). *Thơ trẻ Việt Nam đương đại qua ba tác giả Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư và Ly Hoàng Ly* [Luận văn Thạc sĩ Văn học]. Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn, V. K. (2005). Nhìn lại 30 năm Văn-Học Hải-ngoại. *Tuyển Tập Nguyễn Vy Khanh*. <https://sites.google.com/site/nguyenvykhanhca/tuyen-tap/nhin-lai-30-nam-van-hoc-hai-ngoai>
- Nhận diện các trào lưu thơ Việt đương đại. (2010). *Blog Inrasara*. <https://inrasara.com/2010/04/23/d%e1%ba%b7t-n%e1%bb%81n-t%e1%ba%a3ng-cho-phe-binh-th%c6%a1-vi%e1%bb%87t-d%e1%bb%87t-d%e1%ba%a1i-ki-1/>
- Phạm, T. D. (2006). Vừa làm vừa nghĩ: Tem và nhãn. *Tạp Chí Thơ*, 9.
- Phạm, T. D. (2017). Siêu thực và siêu vẹo. *Tạp Chí Thơ*, 3-4.

- Thích, V. T. (2016). Các tác phẩm của Thích Viên Thành. *Đạo Phật Ngày Nay*. <http://www.daophatngaynay.com/vn/author/thichvienthanh/>
- Thơ mười năm đầu thế kỷ XXI - Tập 1*. (2010). Hội Nhà văn.
- Thơ trẻ: Truyền thống và cách tân Nhà văn & Tác phẩm*. (2016).
- Tinh hoa thơ Việt*. (2012). Hội Nhà văn.
- Võ, Q. (n.d.). Nhà thơ Vũ Trọng Quang. *Blog Voque.Org*. Retrieved September 7, 2020, from <http://voque.org/index.php/than-hu-mainmenu-37/than-hu-mainmenu-39/272-nha-th-v-trng-quang>

THE CONCEPT OF INNOVATION OF THE POETRY, LOOKING FROM THE CONTEMPORARY VIETNAMESE POETRY

Abstract: After 30 years of innovation, Vietnamese poetry has developed on an unprecedented scale, because the complex reality has given rise to many rich concepts about poetry. Poets all refer to innovation. A part of the poets explores and promotes the quintessence of national traditions; another part has taken the Western exam; There are a few poets that combine tradition and modernity. Poets have shown new perspectives on war, love and sex, spirituality, unconsciousness and the ecological environment with many new themes, inspirations and expressions. Besides the correct conception, there have been wrong views and slab about poetry due to the poet's cultural vision.

Key words: innovation; concept; composition; reception; tradition and modernity.